

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành một số mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 146/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa VII, kỳ họp thứ hai mươi chín về việc ban hành một số mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 374/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2010 về việc ban hành một số mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành một số mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nội dung cụ thể như sau:

1. Mức chi chế độ trợ cấp ngày công lao động của dân quân

a) Đối với dân quân biên: được xác định bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định nhân với hệ số trợ cấp ngày công lao động là 0,12;

Trường hợp dân quân biên trong thời gian làm nhiệm vụ tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền vùng biển, đảo của nước Việt Nam theo quyết định huy động của cấp có thẩm quyền, thì mức trợ cấp ngày công lao động bằng mức lương tối thiểu chung của Chính phủ quy định nhân với hệ số 0,25;



b) Đối với các đối tượng dân quân còn lại: mức trợ cấp ngày công lao động được xác định bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định nhân với hệ số trợ cấp ngày công lao động là 0,08.

2. Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ trực cấp xã tối đa 15.000 đồng/người/ngày và không quá 10 người/ngày;

3. Hỗ trợ thăm viếng, phúng điếu cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo neo đơn đặc biệt khó khăn tối đa 300.000 đồng/suất;

4. Mỗi cấp xã được trang bị 01 máy fax (Văn phòng HĐND và UBND) và 5 máy điện thoại cố định (Văn phòng HĐND và UBND: 01; Đảng ủy: 01; Mặt trận: 01; Công an: 01; Xã đội và các bộ phận khác: 01). Riêng những xã, phường, thị trấn mà các ban, bộ phận không tập trung tại trụ sở chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sắp xếp, bố trí cho phù hợp, nhưng không quá 05 máy điện thoại cố định cho mỗi xã, phường, thị trấn.

5. Mức chi hỗ trợ tiền ăn và thăm viếng do ngân sách cấp là mức chi tối đa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đặc điểm tình hình thực tế và trong phạm vi nguồn kinh phí giao để xây dựng mức chi cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nội Vụ; Lao Động-Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang và Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức về chi ngân sách cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành chế độ, định mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nkguyen.



Trần Thanh Nam